

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HS-ST
Ngày 17-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm

Bà Tạ Ngọc Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2017/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn A, sinh năm 1989 tại huyện X, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1961 và bà Lê Thị L, sinh năm 1962 cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Long An; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Có 01 tiền án. Bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An và Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án hình sự sơ thẩm số 21/2013/HSST ngày 30/10/2013 và bản án hình sự phúc thẩm số 18/2014/HSPT ngày 22/01/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 01/12/2016 theo giấy chứng nhận đặc xá số 861/GCNĐX ngày 01/12/2016 của trại giam P; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không có nội dung gì về nhân thân cần thiết phải ghi nhận; Bị bắt, tạm giam ngày 29/6/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Phạm Văn B, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp F, xã C, huyện E, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn N (NLQ1), sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Long An. Có mặt.

2. Anh Lê Thanh M (NLQ2), sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Long An. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hoàng Trọng N (NLQ3), sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Mai Văn H (NLC1), sinh năm 1990. Vắng mặt không lý do;

2. Nguyễn Văn Th(NLC2), sinh năm 1984. Vắng mặt không lý do;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp F, xã D, huyện E, tỉnh Long An.

3. Trần Thanh T (NLC3), sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có hiểu lầm với Phạm Văn B từ trước, nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/4/2017, NLQ3 mang theo 04 vỏ chai bia Sài Gòn đồ chờ Nguyễn Văn A đến nhà Phạm Văn B với mục đích chọi vào nhà B cho bõ ghét. Khi đến cầu Z thuộc ấp F, xã D thì NLQ3 gặp B. NLQ3 dừng xe, bước đến nói chuyện với B thì A bất ngờ cầm 02 vỏ chai bia trên hai tay đập vào đầu B rồi dùng mảnh vỡ của vỏ chai bia (phần cổ chai) đâm bằng tay phải vào ngực phải của Phạm Văn B gây thương tích với tỷ lệ thương tật vĩnh viễn là 13%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 123/TgT.17-PY ngày 13/6/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Long An đối với Phạm Văn B thể hiện như sau:

Phân kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo vết thương đầu, vùng đỉnh phải kích thước 3cm x 0,6cm, màu hồng, ấn đau, không dấu thần kinh khu trú.

- Sẹo vết thương ngực phải kích thước 7cm x 0,5cm.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 13% (Mười ba phần trăm).

3. Kết luận khác: Các thương tích trên là vĩnh viễn.

Ngày 26/6/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định khởi tố bị can để điều tra làm rõ hành vi phạm tội của Nguyễn Văn A.

Tại Cáo trạng số 20/QĐ-KSĐT ngày 08/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn A. Đề nghị áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 2 nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo thành khẩn khai báo; Có tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự do bị cáo tái phạm.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 33, 45 điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình 1999, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 2 nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 02 năm 06 tháng đến 3 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tiêu hủy vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng đang quản lý do không còn giá trị sử dụng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận được tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 10.000.000 đồng, bao gồm các khoản: Bồi thường tổn thất tinh thần: 3.000.000 đồng; Tiền thuốc: 1.500.000 đồng; Tiền xe: 1.500.000 đồng; Tiền bị mất thu nhập trong thời gian điều trị vết thương: 4.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điều 584, 585 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong đó, cha của bị cáo là ông Nguyễn Văn N (NLQ1) đã nộp cho Công An xã D số tiền 2.000.000 đồng và tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng 1.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại 7.000.000 đồng.

Đối với NLQ3, đại diện Viện Kiểm sát cho rằng mặc dù NLQ3 có hành vi mang theo 4 vỏ chai bia và chở A đến hiện trường, nhưng mục đích của NLQ3 không phải nhằm gây thương tích cho B mà chỉ muốn dùng vỏ chai bia chọi vào nhà của B cho bố ghét. Lúc đi, NLQ3 có ý định chỉ đi một mình nhưng

A xin đi theo nên NLQ3 mới chở. Từ lúc đi giữa A với NLQ3 không bàn bạc phân công gì về việc A sử dụng vỏ chai bia để chơi vào nhà B hay gây thương tích cho B. Việc A bất ngờ sử dụng vỏ chai bia là hung khí nguy hiểm đập vào đầu và đâm vào ngực B nằm ngoài mục đích và suy nghĩ của NLQ3 nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với NLQ3 là có cơ sở nên Viện Kiểm sát không xem xét.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N (NLQ1) không có yêu cầu gì đối với số tiền 3.000.000 đồng ông đã thay bị cáo bồi thường cho người bị hại nên không xem xét; Đối với anh Lê Thanh M (NLQ2) cũng không có yêu cầu gì đối với 04 vỏ chai bia của anh đã bị NLQ3 lấy đi mà bị cáo sử dụng để gây thương tích cho bị hại nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã khai trước Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng, đúng với nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố bị cáo, đồng thời phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng nên có đủ cơ sở kết luận: khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/4/2017, do có bức xúc về hành động trước đó của Phạm Văn B gây ra cho gia đình mình, NLQ3 mang theo 04 vỏ chai bia Sài Gòn đỏ chở Nguyễn Văn A đến nhà Phạm Văn B với mục đích chơi vào nhà B cho bõ ghét. Khi đến địa phận ấp F, xã D thì gặp Phạm Văn B. NLQ3 dừng xe, bước đến nói chuyện với B thì A bất ngờ cầm 02 vỏ chai bia trên hai tay đập vào đầu B rồi dùng mảnh vỡ của vỏ chai bia (phần cổ chai) đâm bằng tay phải vào ngực phải của Phạm Văn B gây thương tích với tỷ lệ thương tật vĩnh viễn là 13%.

[3] Tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, không ai được quyền xâm phạm trái pháp luật. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, dù không biết bị hại là ai và giữa hai bên không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã dùng vỏ chai bia đánh trực diện vào đầu và dùng mảnh vỡ của vỏ chai bia là hung khí nguy hiểm đâm trực diện vào ngực phải của bị hại B gây thương tích với tỷ lệ thương tật vĩnh viễn là 13% trong khi bị hại không kịp phản ứng hay kháng cự. Do đó, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng áp dụng tình tiết tăng nặng định khung được quy định tại điểm a và điểm i khoản 1 Điều

104 Bộ luật hình sự là “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” để truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cũng như cuộc sống sinh hoạt bình thường của người bị hại trong một thời gian nhất định và gây tư tưởng hoang mang cho nhân dân ở địa phương, ảnh hưởng an ninh trật tự xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy cần phải tuyên cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, để có cơ sở tuyên một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra cần phân tích đánh giá về nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như xem xét các đặc điểm về nhân thân của bị cáo. Về nguyên nhân, động cơ dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc bị cáo nghe NLQ3 là bạn của bị cáo kể lại việc Phạm Văn B đã có hành vi phá bần thờ của gia đình NLQ3 trong lúc cả nhà đi vắng thì bị cáo đề nghị NLQ3 cho bị cáo xem mặt B rồi bất ngờ sử dụng vỏ chai bia và mảnh vỡ vỏ chai bia đánh và đâm người bị hại. Đây là hành vi bộc phát thể hiện rõ tính côn đồ của bị cáo. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự do bị cáo có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại với số tiền 3.000.000 đồng; Có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Sau khi cân nhắc, xem xét toàn diện các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và để phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về vật chứng: 02 chai bia loại bia Sài Gòn đỏ (không có nước trong chai) có tổng trọng lượng là 0,6kg và nhiều mảnh vỡ của chai bia có tổng trọng lượng là 0,3kg không còn giá trị sử dụng và chủ sở hữu là anh Lê Thanh M (NLQ2) không có yêu cầu nhận lại nên cần tiêu hủy là phù hợp với Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng đang quản lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận được tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 10.000.000 đồng, bao gồm các khoản: Bồi thường tổn thất tinh thần: 3.000.000 đồng; Tiền thuốc: 1.500.000 đồng; Tiền xe: 1.500.000 đồng; Tiền bị mất thu nhập trong thời gian điều trị vết thương:

4.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điều 584, 585 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong đó, cha của bị cáo là ông Nguyễn Văn N (NLQ1) đã tự giao nộp 3.000.000 đồng cho cơ quan chức năng để bồi thường thiệt hại cho bị hại, cụ thể ông N giao nộp cho Công an xã D số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại và đại diện gia đình bị hại đã nhận xong; Còn lại 1.000.000 đồng ông N giao nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng tạm thời quản lý. Do đó, số tiền còn lại bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiếp cho người bị hại là 7.000.000 đồng.

[8] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với Nguyễn Hoàng Trọng N (NLQ3), mặc dù có hành vi mang theo 4 vỏ chai bia và chở A đến hiện trường, nhưng mục đích của NLQ3 không phải nhằm gây thương tích cho B mà chỉ muốn dùng vỏ chai bia chọi vào nhà của B cho bố ghét. Việc A bất ngờ sử dụng vỏ chai bia là hung khí nguy hiểm đập vào đầu và đâm vào ngực B nằm ngoài mục đích và suy nghĩ của N nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Hoàng Trọng N là có cơ sở.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 2 nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 2 Điều 104; Điều 33; Điều 45; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999;

Căn cứ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/6/2017.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn A để đảm bảo công tác thi hành án phạt tù.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 chai bia loại bia Sài Gòn đỏ (không có nước trong chai) có tổng trọng lượng là 0,6kg và nhiều mảnh vỡ của chai bia có tổng trọng lượng là 0,3kg. Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng đang quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường tiếp cho người bị hại Phạm Văn B số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); Anh Phạm Văn B được quyền nhận 1.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại mà ông Nguyễn Văn N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Văn A.

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND, CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Công an huyện Vĩnh Hưng;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu.

Huỳnh Thị Yến Linh